

Healthy Living

Read and write the English words (Đọc và viết từ vựng):

(adj) phổ biến	(adj): tươi, mới	(v): tham gia
(n): cháy nắng	(n): kem chống nắng	(n): hộp đựng cơm
(n): chèo thuyền	(n): đạp xe	(n): công viên
(n): sức khỏe	(n): vùng quê	(n): ánh sáng mờ
(n): son dưỡng môi	(n): môi nứt nẻ	(N): đốm đỏ